



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135001	TRẦN HỮU HÀ	AN	24/03/89	<i>Thuan</i>	3	Ba
2	07135002	ĐINH LÊ HOÀI	ANH	29/12/89	<i>Đinh</i>	3	Ba
3	07135005	HOÀNG THẾ	ANH	05/07/89	<i>Thuan</i>	6	Sáu
4	07155003	LÃ THỊ LAN	ANH	25/12/89	<i>Lan</i>	3	Ba
5	07135003	NGUYỄN MAI	ANH	12/01/89	<i>Mauius</i>	7	Bảy
6	07135077	PHAN TÚ	ANH	27/11/89	<i>Tu</i>	8	Tám
7	07135078	TRẦN NGỌC	ÁNH	17/03/89	<i>anh</i>	6	Sáu
8	07135151	NGÔ HẢI	CHI	24/01/89	<i>Cuu</i>	9	Chín
9	07135080	NGUYỄN HỮU	CHI	15/01/88			
10	07159009	NGUYỄN NGỌC	CHIÊM	12/03/89	<i>Ngoc</i>	9	Chín
11	07135008	NGUYỄN THỊ	DIỄM	20/09/89	<i>Dien</i>	8	Tám
12	07135082	LÊ HÙNG	DỤC	20/08/87	<i>Hu</i>	8	Tám
13	07135009	NGUYỄN THỦY	DUNG	05/08/89	<i>Th</i>	5	Năm
14	07135010	NGUYỄN ANH	DUY	04/01/88	<i>Anh</i>	6	Sáu
15	07135083	NGUYỄN QUANG	DUY	29/10/89	<i>Quang</i>	5	Năm
16	07135084	LÊ NGUYỄN THỦY	DƯƠNG	14/09/88	<i>Th</i>	7	Bảy
17	07135085	TRẦN THỊ HỒNG	ĐÀO	24/04/89	<i>Thuan</i>	7	Bảy
18	07135086	TRẦN QUANG	ĐẠO	10/05/87	<i>Quang</i>	4	Bốn
19	07135011	LÂM QUỐC	ĐẠT	22/09/89	<i>Quoc</i>	4	Bốn
20	07135012	TRẦN MINH	ĐÌNH	13/02/89	<i>Minh</i>	0	Không
21	07135013	ĐÀO XUÂN	ĐỨC	10/06/86	<i>Xuan</i>	7	Bảy
22	07135088	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	09/06/88	<i>Truong</i>	4	Bốn
23	07147020	PHẠM NGUYỄN CÔNG	ĐỨC	25/08/89	<i>Pham</i>	7	Bảy
24	07135014	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	11/03/88	<i>Hu</i>	6	Sáu
25	07135016	HỒ PHẠM TRÀ	GIANG	09/12/89	<i>Pham</i>	8	Tám
26	07135089	NG PHƯƠNG HOÀNG	HẢI	12/11/89	<i>Phu</i>	3	Ba
27	07135018	NGUYỄN MINH	HẢI	10/05/84	<i>Minh</i>	6	Sáu
28	07135019	NGUYỄN THỊ MỸ	HÀNH	26/03/89	<i>My</i>	7	Bảy
29	07135090	NGUYỄN THỊ	HẢO	24/12/89	<i>Thi</i>	8	Tám
30	07135020	NG HUỲNH PHƯƠNG	HẶNG	28/09/89	<i>Phu</i>	5	Năm
31	07135092	VĂN NGUYỄN TUYẾT	HẶNG	05/10/89	<i>Tuyet</i>	4	Bốn
32	07135094	ĐẶNG THẾ	HÀN	26/03/88	<i>Thay</i>	3	Ba
33	07135021	HUỲNH THỊ NGỌC	HÀN	12/08/89	<i>Ngoc</i>	9	Chín
34	07135093	LÊ THỊ NGỌC	HÀN	26/02/88	<i>Ngoc</i>	7	Bảy
35	07135095	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	05/01/87	<i>Thu</i>	8	Tám
36	07135023	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	08/07/89	<i>Truong</i>	3	Ba

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07135022	TRẦN THỊ MINH	HIẾU	28/04/89		8	Tám
38	07135026	LÊ THỊ	HÒA	02/11/89		8	Tám
39	07135025	LƯU THÁI	HÒA	01/10/88		6	Sáu
40	07135027	LÊ THANH	HỒ	25/10/89		1	Một
41	07135028	VŨ VĂN	HUẤN	20/09/86		6	Sáu
42	07135029	NGUYỄN THỊ	HUỆ	24/09/89		4	Bốn
43	07135030	PHẠM NHẬT	HUY	21/07/88		4	Bốn
44	07135098	NGUYỄN THỊ THỤC	HUYỀN	21/10/89		8	Tám
45	07135099	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	07/11/89		5	Năm
46	07135031	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	12/01/88		8	Tám
47	07135032	TRẦN HÀ MINH	HƯƠNG	12/07/89			
48	07135033	VƯƠNG HỒNG	KÁCH	21/10/89		6	Sáu
49	07135034	TRẦN DẰNG	KHOA	25/12/89		4	Bốn
50	07135102	NGUYỄN NGÔ BẢO	KHUYẾN	28/02/88		5	Năm
51	07135035	VÕ THỊ HOÀNG	KHƯƠNG	22/03/89		7	Bảy
52	07135103	ĐOÀN THỊ HỒNG	LÊ	10/01/89		4	Bốn
53	07135036	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIÊN	21/10/89		8	Tám
54	07135106	CAO THÁI TRÚC	LINH	12/02/89		7	Bảy
55	07135038	NGUYỄN CHÍ	LINH	21/04/89		5	Năm
56	07135104	NGUYỄN KHOA THỦY	LINH	04/09/89		6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 54 Số bài: 54 Sờ tờ: 69

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2 _____

Th.S Nguyễn Văn Công



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07135039	TRẦN THỊ THÙY	LINH	14/07/89	<i>Thuy</i>	5	Nam
2	07135105	TRỊNH THÙY	LINH	09/02/90	<i>Linh</i>	7	Bây
3	07135041	NGUYỄN QUANG	LONG	23/02/88	<i>Long</i>	7	Bây
4	07135042	VÕ TRÍ	LONG	29/04/88	<i>Long</i>	1	Một
5	07135043	HỒNG TẬP	LỘC	28/11/88	<i>Tập</i>	6	Sáu
6	07135107	PHẠM THỊ	LỘC	20/10/89	<i>Pham</i>	5	Nam
7	07135108	TRẦN MINH	LUÂN	18/11/88	<i>Minh</i>	4	Bốn
8	07135044	NGUYỄN TRUNG	LUẬT	15/03/87			
9	07135045	NGUYỄN VĂN	LỤC	18/01/89	<i>Văn</i>	3	Ba
10	07135109	TRẦN THỊ THANH	LÝ	05/07/89	<i>Thy</i>	8	Tám
11	07135110	NGUYỄN THỊ	MAI	22/06/87	<i>Mai</i>	8	Tám
12	07135046	ĐÌNH GIA	MẠNH	08/07/88	<i>Manh</i>	6	Sáu
13	07135111	TRƯƠNG KIỀU	MI	08/11/88	<i>Kieu</i>	5	Nam
14	07135112	LÊ THỊ DIỆU	MY	01/05/89	<i>Dieu</i>	7	Bảy
15	07135047	NG P THIÊN BỬU TRÀ	MY	16/09/89	<i>Buu</i>	6	Sáu
16	07135113	NGUYỄN THỊ THỂ	MỸ	18/09/89	<i>The</i>	3	Ba
17	07135114	LÊ HOÀI	NAM	06/04/89	<i>Nam</i>	7	Bảy
18	07135048	NGUYỄN THỊ	NGA	02/12/87	<i>Ng</i>	8	Tám
19	07135116	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGA	16/04/88	<i>Tuyet</i>	3	Ba
20	07135115	VŨ THỊ	NGA	06/02/88	<i>Thy</i>	5	Nam
21	07135117	LÊ BẢO	NGÂN	01/10/89	<i>Bao</i>	7	Bảy
22	07135051	TRẦN HOÀNH	NGHỊ	27/04/89			
23	07135120	NGUYỄN HOÀNG THẢO	NGUYỄN	29/04/89	<i>Nguyen</i>	3	Ba
24	07135119	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYỄN	02/06/88	<i>Kim</i>	6	Sáu
25	07135052	TRẦN THỊ LAN	NHI	07/05/89	<i>Lan</i>	5	Nam
26	07135053	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯỞNG	15/10/89	<i>My</i>	6	Sáu
27	07135122	NGUYỄN ĐĂNG	PHÚC	02/01/88	<i>Phuc</i>	1	Một
28	07135123	ĐÌNH THỊ MINH	PHƯƠNG	11/02/89	<i>Minh</i>	7	Bảy
29	07135056	TRẦN THỊ THẢO	PHƯƠNG	15/12/89	<i>Thao</i>	9	Chín
30	07135124	NGÔ THỊ TÚ	PHƯƠNG	17/09/88	<i>Tu</i>	6	Sáu
31	07135125	NGUYỄN ĐẠT NGUYỆT	QUẾ	24/04/89	<i>Qu</i>	3	Ba
32	07135126	LÊ VĂN	QUÝ	07/03/89	<i>Van</i>	1	Một
33	07135058	TRẦN MINH	QUÝ	11/03/89	<i>Minh</i>	8	Tám
34	07135127	LÊ HOÀNG	SON	15/10/89	<i>Hoang</i>	5	Nam
35	07135128	TRƯƠNG ĐẮC	TẠO	25/07/88	<i>Truong</i>	3	Ba
36	07135130	LÊ THANH	TÂM	15/04/85	<i>Thanh</i>	3	Ba

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07TB (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07135059	NGUYỄN HỒNG	THẢO	02/06/89	<i>Thảo</i>	5	Nam
38	07135131	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/09/89	<i>Pho</i>	7	Bảy
39	07135132	TRẦN QUỐC	THẢO	05/02/88	<i>Thảo</i>	7	Bảy
40	07135133	NGUYỄN VĂN	THẮNG	23/07/89	<i>Thắng</i>	4	Bốn
41	07135134	NGUYỄN MINH	THẾ	02/09/86	<i>Thế</i>	9	Chín
42	07135061	VÕ TẤN	THỊ	23/02/89	<i>Thị</i>	8	Tám
43	07135062	HUYỀN THỊ	THƠ	12/07/89	<i>Thơ</i>	5	Năm
44	07135136	ĐÀM THỊ	THU	27/10/89	<i>Phu</i>	9	Chín
45	07135063	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÚY	05/04/88	<i>Th</i>	5	Năm
46	07135064	TRẦN MINH	THƯ	14/03/89			
47	07135065	NGUYỄN THỊ NGỌC	THƯƠNG	06/12/89	<i>Thương</i>	8	Tám
48	07135068	TRƯƠNG THỊ THÚY	TIỀN	01/05/89	<i>Ti</i>	4	Bốn
49	07135139	NGÔ MANH	TIẾN	15/11/89	<i>Canh</i>	7	Bảy
50	07135140	TRẦN TRUNG	TÍN	14/11/89	<i>Tm</i>	5	Năm
51	07135141	PHẠM THỊ	TOÀN	22/11/88	<i>Phạm</i>	7	Bảy
52	07135142	NGUYỄN KIM	TOÀN	16/11/89	<i>Kim</i>	6	Sáu
53	07135143	NGUYỄN MINH	TOÀN	01/01/89	<i>Minh</i>	8	Tám
54	07135069	NGUYỄN THỊ THÚY	TRANG	24/12/88	<i>Th</i>	3	Ba
55	07135144	PHẠM NGỌC THÚY	TRANG	28/10/89			
56	07135070	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	12/01/89	<i>Trâm</i>	7	Bảy
57	07135071	TRẦN THỊ KIỀU	TRINH	08/12/89			
58	07135072	NGUYỄN TRUNG	TRONG	01/08/89	<i>Trung</i>	5	Năm
59	07135145	ĐẶNG THỊ THANH	TRÚC	09/01/89	<i>Đ</i>	3	Ba
60	07135073	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	05/01/89	<i>Th</i>	8	Tám
61	07135074	TRINH THỊ BÍCH	VÂN	09/02/89	<i>Vas</i>	8	Tám
62	07135147	ĐÀO KHẮC ANH	VIỆT	21/09/89			
63	07135148	NGUYỄN KHẮC HOÀNG	VINH	25/07/87	<i>Phu</i>	4	Bốn
64	07135150	ĐOÀN TRẦN	VŨ	29/06/89	<i>Đoàn</i>	5	Năm
65	07135075	NGUYỄN THỊ THANH	XUÂN	20/12/88	<i>Thanh</i>	6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 59 Số bài: 59 Số tờ: 76

Cán bộ coi thi 1 *Đào*

Cán bộ coi thi 2 *Nguyễn Thị Đào*

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1 *Nguyễn*

Cán bộ chấm thi 2

Ng. Hoai Hui

Th.S Nguyễn Văn Công



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QL (Nhóm Thi 2) - Tổ 004 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07124104	NGUYỄN VĂN TÂY	16/02/88			8	Tam
2	07124105	NGUYỄN THỊ THANH	09/03/88			8	Tam
3	07124106	NGUYỄN TIẾN	16/06/88			8	Tam
4	07124107	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	23/07/89			5	Nam
5	07124108	LẠI THU	20/05/89			7	Bay
6	07124109	DƯƠNG VĂN THÁU	14/06/87			7	Bay
7	07124110	NGUYỄN THỊ THÈM	02/01/88			8	Tam
8	07124112	BÙI LƯƠNG MAI	15/12/89			8	Tam
9	07124111	VÕ THỊ KIM	20/04/89			8	Tam
10	07124113	NGÔ THỊ NGỌC	20/07/89			7	Bay
11	07124114	TRẦN ĐÌNH THỦ	21/11/89			7	Bay
12	07124115	LÊ ĐĂNG THUẬN	04/06/89			2	Hên
13	07124116	LÊ KHIÊM	24/10/89			7	Bay
14	07124117	NGUYỄN NGỌC THUẬN	20/07/88			5	Nam
15	07124118	GIAO KHẢ THÚY	29/10/89			7	Bay
16	07124119	TRẦN THỊ CẨM	25/07/88			9	Chín
17	07124120	NGUYỄN TRẦN YẾN	05/01/88			7	Bay
18	07124121	BẾ VIỆT TIẾN	23/01/83			7	Bay
19	07124122	TRẦN TRUNG TÍN	06/12/89			6	Sáu
20	07124123	LÊ PHÚ TOÀN	22/10/89			5	Nam
21	07124124	PHAN THÁI TOÀN	1 / 88			7	Bay
22	07124126	NGUYỄN VĂN TRÀ	06/12/87			6	Sáu
23	07124127	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	09/08/89			6	Sáu
24	07124129	NGUYỄN THỊ THU	16/10/89				Vàng
25	07124131	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	29/09/89			7	Bay
26	07124132	LÊ MINH TRÍ	29/04/89			6	Sáu
27	07124133	VÕ THỊ MỸ TRINH	08/05/88			7	Bay
28	07124134	LÊ HỮU TRỌNG	14/03/89			1	Một
29	07124136	NGUYỄN MINH TRUNG	12/12/89			6	Sáu
30	07124138	TRẦN VĂN TRUNG	15/09/89			7	Bay
31	07124139	VÕ TRẦN TRỌNG TUẤN	31/05/89			7	Bay
32	07124141	TRƯƠNG KHẮC VĂN	10/10/86			7	Bay
33	07124142	CA HOÀNG VIỆT	05/11/89			8	Tam
34	07124143	TRẦN NGỌC Ý	10/12/89			8	Tam

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 33 Số bài: 33 Sở từ: 49

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Vũ Thị Nga

Cán bộ coi thi 2 _____

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 Nga

Cán bộ chấm thi 2 _____

Ngô Huy Hải

Th.S Nguyễn Văn Công



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QL (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07124071	LA CÔNG MINH	06/09/88			6	Sáu
2	07124073	TRẦN QUANG	NAM	27/11/87		5	Năm
3	07124072	TRƯƠNG CÔNG	NAM	20/02/88			
4	07124074	NGUYỄN XUÂN	NAM	10/06/89	Nam	5	Năm
5	07124077	ĐẶNG THỊ	NGÂN	14/05/89			
6	07124075	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23/06/88		7	Bảy
7	07124078	TRẦN THU	NGÂN	16/04/89		7	Bảy
8	07124076	VÕ THỊ KIM	NGÂN	25/06/89		7	Bảy
9	07124079	PHẠM HỮU	NGHĨA	27/07/87		7	Bảy
10	06119021	NGUYỄN TRONG	NHÂN	20/10/88		6	Sáu
11	07124081	NGÔ THỊ HỒNG	NHUNG	03/10/88		7	Bảy
12	07124083	LÂM THỊ HUYỀN	NHƯ	02/09/89		8	Tám
13	07124085	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	10/06/89		8	Tám
14	07124147	HUYỀN KIM	PHÁT	19/09/88		9	Chín
15	07124086	HỒ NGỌC HOÀNG	PHI	28/06/88		5	Năm
16	07124088	ĐÌNH HOÀNG	PHONG	28/05/89		8	Tám
17	07124087	TRƯƠNG HOÀI	PHONG	19/05/89		1	Một
18	07124089	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	15/12/85		3	Ba
19	07124091	CAO DUY	PHƯƠNG	23/07/88		5	Năm
20	07124092	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	06/08/89		3	Ba
21	07124094	LÊ THỊ KIM	PHƯƠNG	22/12/89		7	Bảy
22	07124095	NGUYỄN HỒNG	QUÍ	06/11/89		7	Bảy
23	07124097	NGUYỄN THỊ	QUÝ	02/11/89		3	Ba
24	06124101	TRẦN THỊ	SÁU	25/05/88			
25	07124098	LÊ DUY	SON	27/07/89		8	Tám
26	07124099	TRẦN THANH	SON	08/11/87		4	Bốn
27	07124101	PHẠM MINH	TÀI	21/07/88		7	Bảy
28	07124103	BÙI NHỰT	TÂN	02/11/88		7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Số tờ: 16

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QL (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD105

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07124002	LÊ THỊ KIM	ANH	20/06/88		9	Chín
2	07124145	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	/ /87		7	Bảy
3	07124003	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	21/07/88		7	Bảy
4	07124001	VÕ THỊ HỒNG	ANH	02/02/88		7	Bảy
5	07124005	LÊ HẢI	BÀNG	02/05/88		8	Tám
6	07124007	NGUYỄN LÂM	BƯU	18/10/89		7	Bảy
7	07124008	PHẠM THỊ	CẦN	16/02/89		8	Tám
8	07124009	NGUYỄN VĂN	CHÂU	18/10/89		7	Bảy
9	07124010	TRẦN NGỌC	CHINH	02/01/88		5	Năm
10	07124012	NGUYỄN VĂN TUẤN	CƯỜNG	02/10/85		7	Bảy
11	07124013	ĐOÀN VÕ HỒNG	DIỆM	07/08/89		9	Chín
12	07124014	PHẠM THỊ NGỌC	DIỆM	01/08/89		7	Bảy
13	07124015	PHẠM VĂN	DIỆM	15/03/79			
14	07124016	NGUYỄN THỊ THÚY	DUNG	26/04/89		6	Sáu
15	07124017	NGUYỄN THANH	DUY	04/10/85		6	Sáu
16	07124018	NGUYỄN THỊ CẨM	DƯƠNG	13/10/89		7	Bảy
17	07124019	ĐỖ VĂN	ĐẠI	08/11/88		3	Ba
18	07124020	ĐOÀN THỊ HỒNG	ĐÀO	20/10/89		7	Bảy
19	07124021	VÕ THÀNH	ĐĂNG	08/11/86		6	Sáu
20	07114074	TRẦN VĂN	ĐỆ	/ /88		5	Năm
21	07124022	PHÙNG BÁ	ĐỒNG	01/04/89		8	Tám
22	07124023	BÙI TẤN	GIANG	01/05/89		7	Bảy
23	07124024	HỒ THANH	HÀ	01/01/89		7	Bảy
24	07124025	NGUYỄN VIỆT	HÀ	02/10/89		6	Sáu
25	07124026	NGUYỄN VIỆT	HÀ	01/01/88		7	Bảy
26	07124027	PHẠM NGUYỄN HOÀNG	HẢI	05/12/89		8	Tám
27	07124028	NGUYỄN NGỌC	HẠNH	29/06/87		7	Bảy
28	07124029	TRẦN THỊ THÚY	HĂNG	01/01/89		7	Bảy
29	07124030	HUỲNH THÚY MINH	HIỀN	20/05/89		7	Bảy
30	07124032	VŨ THỊ THU	HIỀN	22/07/89		7	Bảy
31	07124033	TRẦN ĐOÀN	HIỆP	15/06/88		9	Chín
32	07124034	PHẠM THỊ	HIỆU	10/04/89		7	Bảy
33	07124035	VŨ THỊ	HÒA	30/04/89		5	Năm
34	07124036	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	29/09/88		8	Tám

...bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 35 Số bài: 23 Sở từ: 56

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 ThS Nguyễn Văn Trọng

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Hà Thu

Xác nhận của bộ môn Ng. Hợp Hải

Cán bộ chấm thi 1 Nguyễn Văn Trọng

Cán bộ chấm thi 2 _____

ThS Nguyễn Văn Trọng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp DH07QL (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07124037	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	11/02/89		3	Ba
2	07124039	ĐỖ VÕ THỊ	HUỆ	16/08/88		5	Năm
3	07124038	TRẦN KIM	HUỆ	06/12/89		3	Ba
4	07124040	NGÔ TIẾN	HÙNG	20/11/88		7	Bảy
5	07124041	HOÀNG XUÂN	HÙNG	19/08/89		8	Tám
6	07124043	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	16/03/89		8	Tám
7	07124044	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	15/01/89		7	Bảy
8	07124146	LƯU ANH	KHÍCH	27/05/88		8	Tám
9	07124047	MAI VĂN	KHOA	14/11/87		7	Bảy
10	07124048	VÕ MẠNH	KHUYẾN	27/07/88		8	Tám
11	07124049	NGUYỄN THỊ DIỆM	KIỀU	07/03/88		6	Sáu
12	07124050	NGUYỄN THỊ THÚY	KIỀU	20/02/89		5	Năm
13	07124051	DƯƠNG THỊ HỒNG	LAM	15/08/88		8	Tám
14	07124053	LÊ ĐĂNG VĨNH	LAN	09/06/89		7	Bảy
15	07124052	VĂN THANH	LAN	10/09/89		6	Sáu
16	07124054	NGUYỄN HỒNG	LANH	17/09/89		8	Tám
17	07124055	NGÔ MINH	LÂM	13/09/89		5	Năm
18	07124058	NGUYỄN ĐỨC	LÊN	20/04/88		7	Bảy
19	07124059	NGUYỄN THỊ	LIÊU	09/10/89		8	Tám
20	07124060	PHẠM THỊ MỸ	LINH	16/09/89		6	Sáu
21	07124061	TRẦN THỊ CẨM	LOAN	16/08/88		9	Chín
22	07124062	PHẠM PHI	LÔNG	16/03/88		3	Ba
23	07124063	PHẠM PHI	LONG	30/01/88		7	Bảy
24	07124064	PHẠM THIÊN	LONG	09/05/88		3	Ba
25	07124066	NGUYỄN THỊ MINH	LUYẾN	12/02/89		4	Bốn
26	07124067	HỒ SỸ	LỰC	15/05/89		3	Ba
27	07124068	ĐẶNG NGUYỄN KHÁNH	LY	10/02/89		5	Năm
28	07124070	TRẦN THỊ ÁI	MÃN	01/03/89		6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 28 Số bài: 28 Số tờ: 39

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 _____

Cán bộ coi thi 2 _____

Xác nhận của bộ môn _____

Cán bộ chấm thi 1 _____

Cán bộ chấm thi 2 _____



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi
Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07363096	HỒ THỊ LỢI	29/08/89			8	Tám
2	07363097	LƯƠNG THÀNH LUÂN	26/10/89			2	Hai
3	07363100	PHẠM NG THỊ HƯƠNG	03/10/89			2	Hai
4	07363233	TRẦN NGOC MAI	05/04/89			7	Bảy
5	07363102	ĐOÀN THỊ MÂN	15/05/88			3	Ba
6	07363105	NGUYỄN THỊ TRÀ	03/11/89			3	Ba
7	07363106	NGUYỄN THỊ ÁI	02/04/89			4	Bốn
8	07363107	NGUYỄN THỊ LY	10/10/88			4	Bốn
9	07363108	ĐÀO HỮU NAM	13/09/84			5	Năm
10	07363109	HOÀNG THỊ NÂN	20/09/88			5	Năm
11	07363111	LÊ THỊ NGÀ	21/10/88			4	Bốn
12	07363113	NGUYỄN THỊ NGÀ	28/10/88			3	Ba
13	07363110	TRẦN THỊ HỒNG	28/09/89			0	Sau
14	07363116	HÀ THỊ NGÂN	20/10/87			5	Năm
15	07363117	NGUYỄN TUYẾT NGÂN	11/08/89			6	Sáu
16	07363114	NGUYỄN VŨ KIM NGÂN	03/02/89			4	Bốn
17	07363115	TRẦN THÁI NGÂN	11/07/88			8	Tám
18	07363119	HUỲNH KIM NGỌC	14/02/89			8	Tám
19	07363120	NGUYỄN KIM NGỌC	12/12/89			7	Bảy
20	07363122	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	24/05/89			5	Năm
21	07363124	LÊ ĐỨC NGUYỄN	03/02/88			6	Sáu
22	07363123	LÊ THỊ BÌNH NGUYỄN	10/09/87			V	
23	07363126	BÙI THỊ THU NGUYỆT	02/02/89			6	Sáu
24	07363128	DƯƠNG THỊ UYÊN NHI	06/10/89			6	Sáu
25	07363129	PHẠM THỊ YẾN NHI	26/02/88			6	Sáu
26	07363131	NGUYỄN HÀ MI NI	01/01/89			6	Sáu
27	07363133	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH	01/01/89			6	Sáu
28	07363135	VŨ HỒNG PHÚC	16/07/89			4	Bốn
29	07363137	ĐẶNG VĂN PHƯỚC	14/12/88			3	Ba
30	07363140	ĐINH KIM PHƯƠNG	01/07/89			3	Ba
31	07363141	LAI THỊ THANH PHƯƠNG	01/05/89			7	Bảy
32	07363142	MAI THỊ THANH PHƯƠNG	26/04/89			8	Tám
33	07363139	PHAN TRẦN BÍCH PHƯƠNG	02/11/88			5	Năm
34	07363145	TRẦN CHÍ QUÂN	02/12/89			4	Bốn
35	07363147	TRẦN PHÚ QUỐC	22/07/89			5	Năm
36	07363149	DƯƠNG THỊ LỆ QUYÊN	14/10/89			7	Bảy

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1)) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Đ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07363150	TRƯƠNG TRÚC	QUYÊN	19/09/86	<i>Thy</i>	7	<i>leay</i>
38	07363154	NGUYỄN THIÊN	TÂM	01/01/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
39	07363157	NGUYỄN DUY	THẢO	16/07/89	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
40	07363160	NGUYỄN THỊ	THẢO	10/02/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
41	07363158	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	14/04/89	<i>Thy</i>	8	<i>tam</i>
42	07363162	PHẠM THỊ VI	THẢO	11/06/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
43	07363159	TRẦN THỊ THANH	THẢO	09/05/88	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
44	07363163	TRẦN THỊ HỒNG	THẨM	20/07/89	<i>Thy</i>	7	<i>leay</i>
45	07363165	NGUYỄN ANH	THI	16/06/88	<i>Thy</i>	7	<i>leay</i>
46	07363168	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	03/05/89	<i>Thy</i>	8	<i>tam</i>
47	07363170	TRẦN THỊ HOÀI	THU	22/04/89	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
48	07363171	TRẦN THỊ LỆ	THU	27/05/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
49	07363231	BÙI THỊ BÍCH	THUẬN	10/10/89	<i>Thy</i>	V	<i>bay</i>
50	07363175	HỒ THỊ LỆ	THÙY	16/10/89	<i>Thy</i>	4	<i>leay</i>
51	07363174	TRẦN THỊ BÍCH	THÙY	10/10/89	<i>Thy</i>	8	<i>tam</i>
52	07363176	NGÔ THỊ MINH	THÙY	20/11/89	<i>Thy</i>	4	<i>leay</i>
53	07363178	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	27/09/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
54	07363179	PHẠM THỊ THANH	THÙY	06/05/89	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
55	07363182	NGUYỄN THỊ	THÙY	21/01/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
56	07363183	VŨ THỊ	THÙY	05/08/88	<i>Thy</i>	4	<i>leay</i>
57	07363185	HỒ HOÀNG	THỨ	20/10/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
58	07363184	NGUYỄN TRẦN ANH	THỨ	29/01/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
59	07363187	CHÂU NGỌC MỸ	TIỀN	14/09/89	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
60	07363189	LÊ THỊ	TIỀN	16/12/89	<i>Thy</i>	3	<i>ba</i>
61	07363198	DƯƠNG ĐIỀN UYÊN	TRANG	05/08/89	<i>Thy</i>	8	<i>tam</i>
62	07363192	HỒ HUYỀN	TRANG	06/09/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
63	07363197	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	10/03/88	<i>Thy</i>	4	<i>leay</i>
64	07363193	NGUYỄN VŨ HUYỀN	TRANG	30/11/88	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
65	07363195	PHẠM THỊ THU	TRANG	19/12/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
66	07363194	TRẦN THỊ KIỀU	TRANG	04/12/89	<i>Thy</i>	6	<i>Sau</i>
67	07363232	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRANG	15/08/89	<i>Thy</i>	3	<i>ba</i>
68	07363200	LÊ NGỌC	TRẦN	24/08/89	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
69	07363201	VŨ THÀNH	TRÍ	04/03/89	<i>Thy</i>	5	<i>nam</i>
70	07363202	NGUYỄN THỊ CÁT	TRINH	22/10/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
71	07363206	HUYỀN THỊ HỒNG	TÚ	25/06/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
72	07363207	NGUYỄN THANH	TUẤN	06/03/89	<i>Thy</i>	7	<i>bay</i>
73	07363208	HOÀNG THANH	TÙNG	28/07/89	<i>Thy</i>	V	<i>bay</i>
74	07363209	HOÀNG THỊ MINH	TUYỀN	02/12/88	<i>Thy</i>	8	<i>tam</i>

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07363212	NGUYỄN THANH	TUYỀN	/ /89	<i>Thanh T</i>	7	<i>ba</i>
76	07363213	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	10/03/89	<i>Phạm T</i>	5	<i>nam</i>
77	07363214	ĐỖ QUÝ PHƯƠNG	UYÊN	01/01/89	<i>Đỗ QP</i>	7	<i>ba</i>
78	07363216	NGUYỄN THỊ NGỌC	VÀNG	22/01/89	<i>Ngọc V</i>	7	<i>ba</i>
79	07363217	NGUYỄN THỊ BÉ	VÂN	24/10/88	<i>N.T.Bé</i>	4	<i>ba</i>
80	07363219	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	01/10/84	<i>N.T.H</i>	5	<i>nam</i>
81	07363221	NGUYỄN TRẦN THUY	VÂN	09/07/89	<i>Nguyễn T.T</i>	6	<i>ba</i>
82	07363222	PHẠM THỊ	VINH	14/02/89	<i>Phạm T</i>	7	<i>ba</i>
83	07363234	LÊ NGỌC	VŨ	20/10/87	<i>Lê N</i>	6	<i>ba</i>
84	07363224	NGUYỄN HỮU	XUÂN	20/06/88	<i>Nguyễn H</i>	4	<i>ba</i>
85	07363225	PHẠM NGUYỄN THỊ	XUÂN	02/09/89	<i>Phạm N.T</i>	4	<i>ba</i>
86	07363226	ĐỖ THỤY NHƯ	Ỡ	03/08/89	<i>Đỗ T.N</i>	3	<i>ba</i>
87	07363227	MẠNH THỊ NHƯ	Ỡ	08/12/89	<i>M.T.N</i>	6	<i>ba</i>
88	07363230	PHAN THỊ NGỌC	YẾN	15/11/89	<i>Phan T.N</i>	6	<i>ba</i>

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 84 Số bài: 84 Số tờ: 98

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Trang T. Lan

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Văn M

Xác nhận của bộ môn

[Signature]

Cán bộ chấm thi 1

[Signature]

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Phạm Văn Hùng



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi: Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 10/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SĐT	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07363001	HUỲNH THỊ THÙY	AN	20/07/89	✓	✓	✓
2	07363006	HỒ THỊ HUỲNH	ANH	23/12/89	Hy	7	bay
3	07363007	NGUYỄN MINH	ANH	16/10/89	Anh	7	bay
4	07363009	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	21/05/88	Bích	7	bay
5	07363010	VŨ THỊ	BÔNG	18/05/86	Bông	7	bay
6	07363011	LÊ THỊ	CÁNH	02/04/88	✓	✓	✓
7	07363012	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	08/08/89	Kim Chi	4	biên
8	07363014	NGÔ THÀNH	CHUNG	07/06/89	cong	4	biên
9	07363016	TRẦN THỊ	DIỆM	01/01/89	Thien	5	tam
10	07363018	ĐÀO THỊ NGỌC	DIỆU	29/02/89	ngoc	5	nam
11	07363019	TRẦN PHI HOÀI	DŨNG	06/01/88	Phu	5	nam
12	07363023	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ĐÀI	09/10/89	Đài	7	bay
13	07363024	NGUYỄN THỊ	ĐẠT	02/01/89	Thiet	7	bay
14	07363025	NGUYỄN THỊ MINH	ĐĂNG	08/08/88	Minh	6	bay
15	07363028	LÊ VIỆT	ĐỨC	11/06/89	Duc	4	bay
16	07363027	PHẠM THỊ	ĐỨC	20/04/88	Phu	6	biên
17	07363029	LÊ THỊ NGỌC	GIÀU	30/09/89	Ngoc	8	sau
18	07363030	PHẠM THÁI	HÀ	12/01/89	Me	7	tam
19	07363031	ĐỖ VĂN	HẢI	21/10/89	Quoc	6	bay
20	07363033	NGUYỄN THỊ	HẠNH	25/06/89	ngoc	6	bay
21	07363035	NGUYỄN THỊ	HÀNG	20/09/89	Thien	6	bay
22	07363036	NGUYỄN THỊ THU	HÀNG	03/11/89	Thi	6	bay
23	07363038	PHẠM THỊ THÚY	HÀNG	25/03/89	Thuy	6	bay
24	07363039	TRẦN ĐÀO TUYẾT	HÀNG	28/08/89	Thi	6	bay
25	07363044	DƯƠNG THỊ THU	HIỀN	02/10/88	Thi	5	nam
26	07363045	ĐẶNG THỊ THU	HIỀN	23/03/88	Thi	8	tam
27	07363040	LÊ THỊ DIỆU	HIỀN	11/10/89	Thi	8	bay
28	07363042	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/09/89	Thi	7	bay
29	07363041	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	27/12/89	Thi	6	bay
30	07363043	NINH THỊ	HIỀN	01/01/88	Thi	8	bay
31	07363047	VÕ THÀNH	HIỆP	01/09/86	Thi	✓	✓
32	07363050	NGHỊ THỊ KIM	HOÀNG	13/06/89	Thi	6	bay
33	07363051	NGUYỄN MINH	HOÀNG	12/04/90	Thi	5	nam
34	07363056	LÊ TRẦN THỊ NHƯ	HỒNG	01/06/88	Thi	5	nam
35	07363054	NGUYỄN KHÁNH	HỒNG	23/03/88	Thi	5	bay
36	07363057	HUỲNH MỘNG KIM	HỒNG	21/06/89	Thi	6	bay

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Kinh tế chính trị 1 (00111) - Số Tín Chỉ: 4
Nhóm Thi Lớp CD07KE (Nhóm Thi 1) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07363058	TRẦN GIA	HUY	23/03/88	Huy	8	8
38	07363059	TRỊNH THỊ THANH	HUYỀN	08/10/89	Huyền	5	5
39	07363060	HOÀNG THỊ LAN	HƯƠNG	05/10/89	Hương	4	4
40	07363061	PHAN THỊ	HƯƠNG	28/04/89	Hương	6	6
41	07363063	NGUYỄN VĂN	HƯỜNG	03/07/86	Hu	5	5
42	07363066	LÊ QUỐC	KHANH	19/04/89	Kh	6	6
43	07363067	QUÁCH PHẠM VĂN	KHANH	04/08/89	Khánh	6	6
44	07363064	TỔNG THỊ KIỀU	KHANH	14/09/89	Khanh	7	7
45	07363065	TRẦN ĐÌNH NGỌC	KHANH	20/01/89	Ngoc	8	8
46	07363069	LÊ THỊ THÚY	KIỀU	15/05/89	✓	✓	✓
47	07363070	PHẠM THỊ THÚY	KIỀU	24/10/89	Thuy	8	8
48	07363071	NGUYỄN KHẮC	KỶ	29/01/89	Kỷ	5	5
49	07363073	LÊ THỊ	LAN	16/06/89	✓	✓	✓
50	07363072	PHẠM THỊ MỸ	LAN	10/01/88	Van	5	5
51	07363074	NINH THỊ	LANH	01/06/88	Ninh	6	6
52	07363075	NGUYỄN THỊ	LÀNH	02/08/88	Nhanh	7	7
53	07363076	TRẦN THỊ NGỌC	LÊ	12/04/89	Ngoc	7	7
54	07363080	ĐỖ THỊ	LIÊN	05/08/89	Liên	3	3
55	07363078	VÕ THỊ NGỌC	LIÊN	24/09/89	Ngoc	5	5
56	07363081	VÕ THỊ BÍCH	LIÊU	19/11/89	Bich	7	7
57	07363084	HOÀNG THỊ DIỆM	LINH	21/02/89	Diem	8	8
58	07363089	LÊ THỦY	LINH	08/11/89	Thuy	7	7
59	07363088	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	23/04/89	Phu	7	7
60	07363090	NGUYỄN THỊ THỦY	LINH	16/06/89	Thuy	5	5
61	07363091	TRẦN THỊ THỦY	LINH	06/06/89	Thuy	3	3
62	07363083	TRƯƠNG THỊ ÁNH	LINH	06/04/89	Anh	7	7
63	07363094	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	17/10/88	✓	✓	✓
64	07363092	PHAN THỊ KIỀU	LOAN	29/12/87	Loan	7	7

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 58 Số bài: 58 Số tờ: 74

Ngày 10 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Minh Hiền

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Quốc Phóng

Xác nhận của bộ môn TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1 Chưa
Tham Văn Tuấn

Cán bộ chấm thi 2 _____